

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu về gói thầu

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

1.1. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến ĐT.827E).
- Tên gói thầu: Tư vấn giám sát.
- Địa điểm xây dựng: Xã Tân Trụ, tỉnh Tây Ninh.
- Loại cấp công trình chính: Công trình giao thông đường bộ cấp III.

1.2. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật; các giải pháp thiết kế:

1.2.1. Quy mô đầu tư:

- Cấp thiết kế: Cấp IV (Theo TCVN 4054:2005);
- Vận tốc thiết kế: 60km/h;
- Tải trọng trục: 10T;
- Mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 110\text{MPa}$ (độ tin cậy 0,9);
- Kết cấu mặt đường láng nhựa 3 lớp.

1.2.2. Giải pháp thiết kế:

* Thiết kế bình đồ tuyến:

- Điểm đầu: Km0+000 giao với đường Nguyễn Trung Trực;
- Điểm cuối: Km1+590,73 đến dự án ĐT.827E;
- Chiều dài đoạn tuyến: 1590,73m.

* Thiết kế trắc dọc:

- Cao độ thiết kế tim đường hoàn thiện: **+2,50 m.**
- Riêng các điểm không chế đầu và cuối đoạn tuyến cao độ thiết kế vượt về hiện trạng.

* Thiết kế trắc ngang:

* Đoạn từ Km0+000 đến Km0+360:

- Mặt đường: rộng 5,40m x 2bên = 10,80m; dốc ngang in = 3%;
- Bó vỉa: rộng 0,60m x 2bên = 1,20m;
- Tổng chiều rộng nền đường 12,00m.

* Đoạn còn lại:

- Mặt đường: rộng 3,50m x 2bên = 7,00m; dốc ngang in = 3%;
- Lề đường gia cố: rộng 2,00m x 2bên = 4,00m; dốc ngang in = 3%;
- Lề đường không gia cố: rộng 0,50m x 2bên = 1,00m; dốc ngang in = 4%;
- Tổng chiều rộng nền đường 12,00m.

* Thiết kế kết cấu nền đường, lề đường, mái taluy:

- Phạm vi nền đường hiện hữu:

- + Trải lớp (thứ 2) vải địa kỹ thuật không dệt 15kN/m.
- + Đắp cát lấp đến cao độ thiết kế dày 60cm, đầm chặt $K \geq 0,98$.
- + Trải lớp (thứ nhất) vải địa kỹ thuật không dệt 15kN/m.
- + Đào khuôn nền mặt đường đến cao độ cách đáy móng áo đường.

- Phạm vi mở rộng:

- + Trải lớp (thứ 3) vải địa kỹ thuật không dệt 15kN/m.
- + Đắp cát lấp đến cao độ thiết kế dày 60cm, đầm chặt $K \geq 0,98$.
- + Trải lớp (thứ 2) vải địa kỹ thuật không dệt 15kN/m.
- + Đắp cát từng lớp đầm chặt $K \geq 0,95$.
- + Trải lớp (thứ nhất) vải địa kỹ thuật không dệt 15kN/m.

- Khoan đào, ao mương là đất công sẽ được san lấp toàn bộ. Các khoan đào, ao mương chỉ có một phần là đất công, sẽ được đắp bờ bao tại ranh và san lấp toàn bộ phần đất công. Nền móng cừ tràm gia cố, mật độ 16 cây/m²; quy cách cừ tràm $\text{Øgốc} = 8 \div 10\text{cm}$, $\text{Øngọn} = 4 \div 4,5\text{cm}$, $L = 4,50\text{m/cây}$.

- Lề đường, taluy đắp bằng đất, đầm chặt $K \geq 0,95$.

*** Thiết kế kết cấu mặt đường:**

- Láng nhựa 3 lớp tiêu chuẩn 4,50kg/m²;
- Tưới nhựa lót thấm bám nhựa tiêu chuẩn 1,00kg/m²;
- Móng cấp phối đá dăm loại 1 dày 55cm; đầm chặt $K \geq 0,98$.

*** Thiết kế kết cấu bó vỉa:**

- Bó vỉa được xây dựng đoạn từ Km0+000 – Km0+360: dài 360m;
- Kết cấu bó vỉa: bằng bê tông xi măng đá 1x2 mác 250 đổ tại chỗ, có dạng vát cạnh cao 13cm, rộng 60cm. Móng bó vỉa là lớp móng mặt đường kéo dài.

*** Thiết kế thoát nước dọc:**

*** Kết cấu công dọc loại vỉa hè:**

- Ống công dùng công đúc sẵn công nghệ rung ép hoặc tương đương, loại đặt vỉa hè.
- Mỗi nối ống công bằng vữa xi măng cát mác 100 và Joint cao su.
- Gối công BTCT đá 1x2 mác 200, mỗi đốt công đặt trên 2 gối công.
- Lót móng gối công bằng BTXM đá 1x2 M150 dày 10cm.
- Lớp cát đệm đầu cừ dày 20cm.
- Nền móng gia cố cừ tràm $\text{Øgốc} = 8 \div 10\text{cm}$, $\text{Øngọn} = 4 \div 4,5\text{cm}$, $L = 4,50\text{m/cây}$, đóng 10cây/1gối.

- Lung công dọc được đắp bằng đất thành từng lớp đầm chặt $K \geq 0,95$.

*** Kết cấu công tròn loại chịu hoạt tải:**

- Ống công dùng công đúc sẵn công nghệ rung ép hoặc tương đương, loại chịu hoạt tải H30-XB80, mỗi đốt công dài 2.50m.
- Mỗi nối ống công bằng vữa xi măng cát mác 100 và Joint cao su.
- Gối công BTCT đá 1x2 mác 200, xếp liên tục.
- Lót móng gối công bằng BTXM đá 1x2 M150 dày 10cm.

- Lớp bê tông lót mác 150 đá 1x2 dày 10cm.
- Nền móng gia cố cừ tràm $\text{Øgốc} = 8 \div 10\text{cm}$, $\text{Øngọn} = 4 \div 4,5\text{cm}$, $L = 4,50\text{m/cây}$; đóng 25cây/m².
- Lung cống ngang được đắp bằng cát (bọc taluy bằng đất) thành từng lớp đầm chặt $K \geq 0,95$.

*** Kết cấu hố ga:**

- Hố ga có thành ga dày 20cm, bằng BTXM đá 1x2 M200 đổ tại công trường.
- Lớp bê tông lót đáy ga đá 1x2 M150, dày 10cm.
- Lớp cát đệm đầu cừ dày 20cm.
- Nền gia cố cừ tràm $\text{Øgốc} = 8 \div 10\text{cm}$, $\text{Øngọn} = 4 \div 4,5\text{cm}$, $L = 4,50\text{m/cây}$; đóng 25cây/m².
- Nắp đan hố ga bằng BTCT đá 1x2 M200.
- Lung thành hố ga đắp đất thành từng lớp dày 30cm, đầm chặt $K > 0,95$.

*** Thiết kế thoát nước ngang:**

*** Cống ngang:**

- Cống Sáu To (Km0+704,79): khẩu độ P100, nối dài phía bên trái 10m.
- Cống Xã Sáu (Km0+944,87): khẩu độ P100, nối dài phía bên trái 10m.
- Cống Hai Chương (Km1+319,09): khẩu độ P100, nối dài phía bên phải 15m, kết hợp làm tường chắn taluy đường.

*** Xây dựng mới 02 cống ngang thay cống tạm hiện hữu:**

- Cống số 1: Tại Km1+106,55: cống ngang có khẩu độ b60cm; dài 20m.
- Cống số 2: Tại Km1+586,50: cống ngang có khẩu độ b60cm; dài 17,50m.

*** Kết cấu cống:**

- Ống cống BTCT đúc sẵn loại chịu lực (H30-X80).
- Móng cống BTXM M200, đá 1x2, độ sụt ($2 \div 4$)cm, dày 20cm.
- Lớp bê tông lót M150 dày 10cm.
- Cừ tràm gia cố $\text{Øgốc} = (8 \div 10)\text{cm}$, $\text{Øngọn} = (4 \div 4,5)\text{cm}$, $L = 4,50\text{m/cây}$; đóng 25cây/m².

*** Kết cấu hộp nổi tại các vị trí nối dài cống:**

- Hộp nổi BTCT M250 (B20)
- Đáy hộp nổi đặt trên sân cống hiện hữu.

*** Kết cấu hộp nổi tại các vị trí nối dài cống:**

- Hộp nổi BTCT M250 (B20)
- Đáy hộp nổi đặt trên sân cống hiện hữu.

*** Kết cấu Cửa xả:**

- Phía bên trái tuyến (phía ruộng):
 - + Tường đầu, tường cánh, sân cống, chân khay BTXM đá 1x2 mác 200 (B15).
 - + Lớp cát đệm đầu cừ dày 20cm.

+ Nền móng gia cố cừ tràm Øgốc (8÷10)cm, Øngọn (4÷4,5)cm, L=4,50m/cây, mật độ 25cây/m².

- Phía bên phải tuyến (phía sông Vàm Cỏ Tây):

+ Tường đầu, công dàn Van, chân khay BTCT đá 1x2 mác 250 (B20).

+ Tường cánh, sân công BTXM đá 1x2 mác 200 (B15).

+ Lốp cát đệm đầu cừ dày 20cm.

+ Nền móng gia cố cừ tràm Øgốc (8÷10)cm, Øngọn (4÷4,5)cm, L=4,50m/cây, mật độ 25cây/m².

* **Tường chắn taluy:** Xây dựng tường chắn taluy đường tại Công Hai Chương (phía sông Vàm Cỏ Tây) để đảm bảo chống sạt lở nền đường, với kết cấu như sau:

- Tường chắn BTCT mác 300 đá 1x2;

- Bê tông lót móng đá 1x2 mác 150, dày 10cm;

- Móng gia cố cừ tràm Øgốc (8÷10)cm, Øngọn (4÷4,5)cm, L=4,50m/cây, mật độ 25cây/m².

* **Thiết kế công trình an toàn giao thông:** Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo đúng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024 của Bộ GTVT.

II. Phạm vi công việc:

Mô tả khái quát phạm vi công việc:

Nhà thầu thực hiện công tác Tư vấn giám sát thuộc dự án Nâng cấp, mở rộng đê bao sông Vàm Cỏ Tây (Đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến ĐT.827E) theo quy định của pháp luật trong vòng 300 ngày.

Nội dung công việc cụ thể của gói thầu:

Nhà thầu thực hiện công tác tư vấn giám sát thi công xây dựng và tất cả các công việc có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Nếu trúng thầu gói thầu đơn vị tư vấn phải thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1 Tổ chức nhân sự

Tổ chức tư vấn giám sát có nhiệm vụ: Bố trí nhân sự đủ điều kiện năng lực theo qui định và trang thiết bị, dụng cụ cần thiết cho công tác tư vấn giám sát; tổ chức các văn phòng tư vấn giám sát tại hiện trường phù hợp với qui mô, yêu cầu của dự án, công trình.

2 Giám sát (kiểm soát) chất lượng

a) Kiểm tra lại các bản vẽ thiết kế của hồ sơ yêu cầu, các chỉ dẫn kỹ thuật, các điều khoản hợp đồng, đề xuất với nhà đầu tư về phương án giải quyết những tồn tại hoặc điều chỉnh cần thiết (nếu có) trong hồ sơ thiết kế cho phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành.

b) Rà soát, kiểm tra tiến độ thi công tổng thể và chi tiết do nhà thầu lập, có ý kiến về sự phù hợp với tiến độ thi công tổng thể; có kế hoạch bố trí nhân sự tư vấn giám sát cho phù hợp với kế hoạch thi công theo từng giai đoạn.

c) Căn cứ hồ sơ thiết kế, các chỉ dẫn kỹ thuật đã được duyệt trong hồ sơ yêu cầu, các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, quy trình, qui phạm hiện hành được áp dụng cho dự án, thực hiện thẩm tra bản vẽ thi công do nhà thầu lập và trình nhà đầu tư phê duyệt.

d) Căn cứ các hồ sơ thiết kế cơ sở, bản vẽ thi công đã được phê duyệt, các quyết định điều chỉnh, để thẩm tra các đề xuất khảo sát bổ sung của nhà thầu, có ý kiến trình

nhà đầu tư quyết định; thực hiện kiểm tra, theo dõi công tác đo đạc, khảo sát bổ sung của nhà thầu; kiểm tra, soát xét và ký phê duyệt hoặc trình nhà đầu tư phê duyệt các bản vẽ thiết kế thi công, biện pháp thi công của những nội dung điều chỉnh, bổ sung đã được nhà đầu tư chấp thuận, đảm bảo phù hợp với thiết kế trong Hồ sơ đề xuất.

e) Kiểm tra các điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Điều 107 của Luật xây dựng Số 50/2014/QH13.

f) Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào công trường; xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị (giấy chứng nhận của nhà sản xuất, kết quả kiểm định thiết bị của các tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận) của nhà thầu chính, nhà thầu phụ theo hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu; kiểm tra công tác chuẩn bị tập kết vật liệu (kho, bãi chứa) và tổ chức công trường thi công (nhà ở, nhà làm việc và các điều kiện sinh hoạt khác).

g) Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu: hệ thống tổ chức và phương pháp quản lý chất lượng, các bộ phận kiểm soát chất lượng (từ khâu lập hồ sơ bản vẽ thi công, kiểm soát chất lượng thi công tại công trường, nghiệm thu nội bộ).

h) Kiểm tra và xác nhận bằng văn bản về chất lượng phòng thí nghiệm hiện trường của nhà thầu theo quy định trong Hồ sơ đề xuất; kiểm tra chứng chỉ về năng lực chuyên môn của các cán bộ, kỹ sư, thí nghiệm viên.

i) Giám sát chất lượng vật liệu tại nguồn cung cấp và tại công trường theo yêu cầu của chỉ dẫn kỹ thuật. Lập biên bản không cho phép sử dụng các loại vật liệu, cấu kiện, thiết bị và sản phẩm không đảm bảo chất lượng do nhà thầu đưa đến công trường, đồng thời yêu cầu chuyển khỏi công trường.

k) Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thi công của từng phần việc, từng hạng mục khi có thư yêu cầu từ nhà thầu theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật. Kết quả kiểm tra phải ghi nhật ký giám sát của tổ chức tư vấn giám sát hoặc biên bản kiểm tra theo quy định.

l) Giám sát việc lấy mẫu thí nghiệm, lưu giữ các mẫu đối chứng của nhà thầu; giám sát quá trình thí nghiệm, giám định kết quả thí nghiệm của nhà thầu và xác nhận vào phiếu thí nghiệm.

m) Phát hiện các sai sót thi công, khuyết tật, hư hỏng, sự cố các bộ phận công trình; lập biên bản hoặc hồ sơ sự cố theo quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền giải quyết.

n) Kiểm tra đánh giá kịp thời chất lượng, các hạng mục công việc, bộ phận công trình; yêu cầu tổ chức và tham gia các bước nghiệm thu theo quy định hiện hành.

o) Xác nhận bằng văn bản kết quả thi công của nhà thầu đạt yêu cầu về chất lượng theo quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật của hồ sơ yêu cầu.

p) Kiểm tra, đôn đốc nhà thầu lập hồ sơ hoàn công, thanh, quyết toán kinh phí xây dựng, rà soát và xác nhận để trình cấp có thẩm quyền.

3 Giám sát tiến độ thi công

a) Kiểm tra, xác nhận tiến độ thi công tổng thể và chi tiết các hạng mục công trình do nhà thầu lập đảm bảo phù hợp tiến độ thi công đã được duyệt.

b) Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thi công. Khi cần thiết, yêu cầu nhà thầu điều chỉnh tiến độ thi công cho phù hợp với thực tế thi công và các điều kiện khác tại công trường,

nhưng không làm ảnh hưởng đến tổng tiến độ của dự án. Đề xuất các giải pháp rút ngắn tiến độ thi công nhưng không được làm ảnh hưởng đến chất lượng và đảm bảo giá thành hợp lý. Trường hợp xét thấy tổng tiến độ của dự án bị kéo dài thì tư vấn giám sát phải đánh giá, xác định các nguyên nhân, trong đó cần phân định rõ các yếu tố thuộc trách nhiệm của nhà thầu và các yếu tố khách quan khác, báo cáo nhà đầu tư bằng văn bản để nhà đầu tư trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh tiến độ của dự án.

c) Thường xuyên kiểm tra năng lực của nhà thầu về nhân lực, thiết bị thi công so với hợp đồng xây dựng hoặc theo hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công; yêu cầu nhà thầu bổ sung hoặc báo cáo, đề xuất với nhà đầu tư các yêu cầu bổ sung, thay thế nhà thầu, nhà thầu phụ để đảm bảo tiến độ khi thấy cần thiết.

4 Giám sát khối lượng và giá thành xây dựng công trình

a) Kiểm tra xác nhận khối lượng đạt chất lượng, đơn giá đúng quy định do nhà thầu lập, trình, đối chiếu với hồ sơ hợp đồng, bản vẽ thi công được duyệt và thực tế thi công để đưa vào chứng chỉ thanh toán hàng tháng hoặc từng kỳ, theo yêu cầu của hồ sơ hợp đồng và là cơ sở để thanh toán phù hợp theo chế độ quy định.

b) Đề xuất giải pháp và báo cáo kịp thời lên nhà đầu tư về khối lượng phát sinh mới ngoài khối lượng trong hợp đồng, do các thay đổi so với thiết kế được duyệt. Sau khi có sự thống nhất của nhà đầu tư bằng văn bản, rà soát, kiểm tra hồ sơ thiết kế, tính toán khối lượng, đơn giá do điều chỉnh hoặc bổ sung do nhà thầu thực hiện, lập báo cáo và đề xuất với nhà đầu tư chấp thuận.

c) Theo dõi, kiểm tra các nội dung điều chỉnh, trượt giá, biến động giá; thực hiện yêu cầu của nhà đầu tư trong việc lập, thẩm định dự toán bổ sung và điều chỉnh dự toán; hướng dẫn và kiểm tra nhà thầu lập hồ sơ trượt giá, điều chỉnh biến động giá theo quy định của hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Tiếp nhận, hướng dẫn nhà thầu lập lệnh thay đổi và hồ sơ sửa đổi, phụ lục bổ sung hợp đồng. Đề xuất với nhà đầu tư phương án giải quyết tranh chấp hợp đồng (nếu có).

5 Giám sát an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường

a) Kiểm tra biện pháp tổ chức thi công, đảm bảo an toàn khi thi công xây dựng của nhà thầu. Kiểm tra hệ thống quản lý an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, việc thực hiện và phổ biến các biện pháp, nội quy an toàn lao động cho các cá nhân tham gia dự án của các nhà thầu.

b) Thường xuyên kiểm tra và yêu cầu nhà thầu đảm bảo an toàn lao động và môi trường xây dựng.

6 Thực hiện những vấn đề khác

a) Kiểm tra và yêu cầu nhà thầu thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông, tổ chức giao thông của nhà thầu.

b) Tham gia giải quyết những sự cố có liên quan đến công trình xây dựng và báo cáo lên cấp có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

c) Lập báo cáo định kỳ (tháng, quý, năm) và đột xuất (khi có yêu cầu hoặc khi thấy cần thiết) gửi chủ đầu tư. Các nội dung chính cần báo cáo: Tình hình thực hiện dự án;

tình hình hoạt động của tư vấn (huy động và bố trí lực lượng, kết quả thực hiện hợp đồng tư vấn); các đề xuất, kiến nghị.

d) Tiếp nhận, đối chiếu và hướng dẫn nhà thầu xử lý theo các kết quả kiểm tra, giám định, phúc tra của các cơ quan chức năng và nhà đầu tư.

e) Tham gia hội đồng nghiệm thu cơ sở theo quy định hiện hành.

7 Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Kiểm tra và nghiên cứu hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất, thiết kế bản vẽ thi công chi tiết cho từng hạng mục công trình để làm cơ sở cho công tác tư vấn giám sát thi công công trình: Kể từ ngày hợp đồng được ký kết để có thể triển khai ngay khi có lệnh khởi công công trình.

Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết việc thực hiện giám sát các hạng mục chính và phụ của công trình để nhà đầu tư có cơ sở phối hợp với việc thực hiện của các gói thầu khác và làm cam kết đảm bảo thực hiện thời gian với chủ đầu tư.

9 Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.

10. Thuế GTGT, chi phí dự phòng:

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) trong giá dự thầu. Nhà thầu khi tham gia dự thầu phải chào giá dự thầu với thuế giá trị gia tăng là **8%** theo đúng cơ cấu của giá gói thầu được duyệt.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Báo cáo định kỳ hàng tháng: **Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.**
- Báo cáo định kỳ hàng tuần: **Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.**
- Báo cáo theo từng đợt nghiệm thu, giai đoạn nghiệm thu, trước khi nghiệm thu.
- Báo cáo tiến độ thực hiện: Báo cáo tiến độ thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng quý và dự kiến kế hoạch tháng, quý tiếp theo: **Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.**
- Báo cáo nhanh, báo cáo đột xuất, báo cáo khi có sự cố (ngay sau khi có hiện tượng xảy ra).

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

Nhân sự theo yêu cầu mục 2 Chương III-E-HSMT.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Cử cán bộ chuyên trách phối hợp với nhà thầu trong công tác liên hệ địa phương, tổ chức hội thảo, phục vụ thẩm định và phê duyệt sản phẩm.
- Thanh quyết toán với nhà thầu theo nguồn vốn được cấp.